

Đơn vị: Trường THPT Ngô Mây  
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Kon Tum, ngày 9 tháng 07 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH**  
**6 tháng đầu năm 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                       | Dự toán năm | Ước thực hiện quý/6 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----|------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                              | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                                       |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |             |                               |                                     |                                                                         |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 16,354,000  | 8,289,000                     | 50.7                                |                                                                         |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                     | 16,354,000  | 8,289,000                     | 50.7                                |                                                                         |
| 1   | Chi quản lý hành chính                         |             |                               |                                     |                                                                         |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |             |                               |                                     |                                                                         |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |             |                               |                                     |                                                                         |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            |             |                               |                                     |                                                                         |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |             |                               |                                     |                                                                         |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |             |                               |                                     |                                                                         |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |             |                               |                                     |                                                                         |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |             |                               |                                     |                                                                         |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |             |                               |                                     |                                                                         |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |             |                               |                                     |                                                                         |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề    |             | 8,289,000                     |                                     |                                                                         |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |             |                               |                                     |                                                                         |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |             | 8,289,000                     |                                     |                                                                         |

Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thanh Bình

